CHUẨN MỰC KÉP VÀ QUAN HỆ GIỚI

Hoàng Bá Thịnh
Trường Đại học KHXH & NV.

1. Chuẩn mực xã hội và chuẩn mực kép

Chuẩn mực xã hội được xem là một trong những thành tố của cấu trúc văn hoá. Chuẩn mực được sử dụng với nhiều nghĩa, ví dụ:

- Được hiểu như là quan niệm mục đích (luân lý - đạo đức), như là la bàn định hướng của hành động được hình thành từ các quan niệm về giá trị. Chuẩn mực như là tiêu chí của việc đánh giá hành động - cả trên phương diện tính phù hợp và sự sai lệch - bắt nguồn từ sắp xếp thang giá trị cao hay thấp.

- Một chuẩn mực là một quy tắc hành vi có giá trị phổ biến, mà việc tuân thủ nó được những thành viên khác của xã hội trông đợi và thừa nhận. Như vậy, nó nói lên đặc biệt rõ cái cần phải, cái nghĩa vụ và mệnh lệnh đối với hành vi (G. Endruweit và G. Trommsdorff; 2002:71-72). Đây là một trong những cách hiểu khá phổ biến về chuẩn mực. Bản chất của nó được xem như là nhân tố định hướng cho hành vi của cá nhân (hoặc nhóm), bởi vì "Không có chuẩn mực thì hành động xã hội sẽ khó khăn, vì hành động và kỳ vọng ở người hành động ít ra cũng phải một phần phù hợp với nhau, để cho phép hiểu đúng nghĩa của hoàn cảnh hành động" (G. Endruweit và G. TrommSdorff; 2002:72).

Một trong những quan niệm được xem là sớm nhất về chuẩn mực trong xã hội học Mỹ là quan niệm của Sumner (1906) khi ông phân chia chuẩn mực làm hai cấp độ:

- *Chuẩn mực đạo đức*: để quy chiếu cho các ý nghĩa đạo đức quan trọng. Đạo đức bị cấm đoán - thường quy là điều cấm kỵ - ví dụ sự mong đợi của người Mỹ cho rằng người lớn không nên quan hệ tình dục với trẻ em.

Do tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức trong hệ thống văn hoá, nên nó có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại xã hội. Vì lý do này, chuẩn mực đạo đức thường được luật pháp hỗ trợ.

- *Tập tục truyền thống*: là các chuẩn mực ít có ý nghĩa đạo đức. Tiêu chuẩn xã giao và thể diện là minh hoạ cho tập tục truyền thống. Chẳng hạn, chúng ta trêu chọc một người bạn ăn mặc có vẻ nhếch nhác, nhưng cách chọn

kiểu ăn mặc của một người thường là vấn đề sở thích hơn là đạo đức (J. Macionis: 1987:92).

Tuy nhiên, cần lưu ý tính xã hội của chuẩn mực không phải luôn được sử dụng đồng nhất với mọi đối tượng. Nó được vận dụng trong những hoàn cảnh cụ thể, thích hợp với những nhóm đối tượng cụ thể, và trong một mức độ nào đó, chuẩn mực xã hội còn mang tính "nhị nguyên", hoặc chuẩn mực kép.

Chuẩn mực kép: là cùng một vấn đề, một hiện tượng nhưng được lượng giá theo hai giá trị tương phản/trái ngược.

2. Giới và chuẩn mực kép: một vài vận dụng

Giới: là khái niệm không chỉ đề cập đến Nam và Nữ mà cả mối quan hệ giữa nam và nữ. Trong mối quan hệ ấy có sự phân biệt về vai trò, trách nhiệm, hành vi hoặc sự mong đợi mà xã hội đã quy định cho mỗi giới. Những quy định xã hội này phù hợp với các đặc điểm văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo; vì thế nó luôn biến đổi theo các giai đoạn lịch sử và có khác biệt giữa các xã hội (Hoàng Bá Thịnh, 2005).

Vận dụng khái niệm chuẩn mực kép vào lĩnh vực nghiên cứu giới, có thể định nghĩa chuẩn mực kép như sau: *Đó là sự lượng giá (khen, chê) mà người ta áp đặt cho các thành viên của giới này, nhưng lại không áp đặt cho cho các thành viên của giới kia.*

Chúng ta đều nhận biết những gì được mô tả theo truyền thống trong văn hoá về mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới như là "chuẩn mực kép", nghĩa là cùng một hiện tượng nhưng được lượng giá theo hai chiều đối lập, mà sự đối lập này mang đặc trưng: nghiêm ngặt, khắt khe với phụ nữ nhưng lại khoan dung, độ lượng với nam giới. Ví như, trong quan hệ tình dục nam nữ thì sự kiểm soát của xã hội đối với quan hệ khác giới thường có xu hướng sát nhập tiêu chuẩn kép về đạo đức "Sự thừa nhận rằng việc giao hợp tính dục là điều kiện tự nhiên và thậm chí đáng tán dương ở con trai, đàn ông nhưng lại đáng xấu hổ, phá hoại trật tự xã hội ở con gái, đàn bà" (T. Bilton và cộng sự: 1993:174).

Theo các nhà xã hội học, sự kiểm soát xã hội theo tiêu chí kép như vậy trong quan hệ giới đã tác động ở hai cấp độ:

Thứ nhất, quá trình nhóm không chính thức: bao gồm các áp lực xã hội (gia đình, nhà trường, nhóm bạn cùng trang lứa) đối với nam và nữ đang tỏ ra đi chệch khỏi những vai trò thông thường của giới.

Thứ hai, ở mức độ chính thức hơn của sự kiểm soát xã hội với tính dục, những thừa nhận về sự khác biệt nam nữ trong tính dục đôi khi được củng cố" (T. Bilton và cộng sự: 1993:175).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, khi đề cập đến mối quan hệ nam nữ trong quan hệ tình yêu, bao giờ cũng nhấn mạnh vai trò chủ động của nam và thụ động của nữ với câu ngạn ngữ "Trâu đi tìm cọc, chứ đời nào cọc đi tìm trâu". Ngay cả chuyện chăn gối trong vợ chồng người phụ nữ cũng thụ động, và xã hội đòi hỏi phụ nữ phải chung thuỷ, còn với nam giới thì không, "Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng". Chuẩn mực kép về hành vi tình dục này cho phép nam giới có thể quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, nhưng lại đòi hỏi phụ nữ phải giữ gìn trinh tiết, là cái mà được xã hội lượng giá "chữ trinh đáng giá ngàn vàng"[1]. Mẫu hình đó cho thấy nam giới thường có hành vi tình dục thoải mái hơn phụ nữ. Trong thực tế, nam giới thường được phép, và thậm chí được khuyến khích "chơi bời", trong khi với phụ nữ lại phải kiềm chế.

Đặc trưng trong quan niệm xã hội về chuẩn mực kép như vậy, theo các nhà nữ quyền chính là một biểu hiện của quan niệm gia trưởng "Chắc chắn chuẩn mực kép là một mẫu văn hoá liên kết với sự thống trị của nam giới đối với phụ nữ trong lịch sử" (Barry, 1983).

Sự tồn tại của chuẩn mực kép trong quan hệ giới đã tạo nên những khuôn mẫu hành vi phổ biến trong nhiều nền văn hoá, mà những khuôn mẫu ứng xử trong quan hệ giới như vậy thường bất lợi đối với phụ nữ.

Trong hầu hết các xã hội, việc nuôi con được xem như là bổn phận chính của phụ nữ. Điều này có nguồn gốc về cấu tạo sinh học của phụ nữ quy định vai trò sinh sản của họ. Quan niệm này về vai trò nuôi dạy con cái của người phụ nữ đã được xã hội hoá từ thuở ấu thơ. Sẽ chẳng có gì đáng nói nếu như xã hội không gắn liền bổn phận đó với sự lượng giá người phụ nữ trong quá trình thực hiện vai trò này. Như câu tục ngữ "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà"[2]. Đặc biệt là trong trường hợp người vợ chậm sinh con cái, cho dù nguyên nhân có thể là từ người vợ hay người chồng, thì gia đình và họ hàng chồng, cộng đồng và xã hội vẫn cho đó là lỗi của người vợ, và xem đó là "sự thất bại" về phương diện xã hội của vai trò làm vợ, để rồi rất có thể người vợ đó bị gạt sang bên lề của đời sống gia đình: bị bỏ rơi, ly hôn hoặc chấp nhận chồng lấy thêm vợ. Điều này cũng sẽ xảy ra trong trường hợp người vợ sinh con một bề là gái, với những gia đình khát con trai thì thường cho là lỗi ở người vợ "can tội không biết đẻ" (mặc dù khoa học đã chứng minh việc sinh con trai hay gái là do người chồng quyết định), để rồi người vợ phải chiều theo ý muốn của chồng và gia đình chồng thoả mãn cơn "khát con trai" tiếp tục sinh thêm con, cho dù đã có năm, bảy, thậm chí chín, mười con gái. Và kết cục, người vợ không có quyền sinh sản (tự quyết định, mà không bị ép buộc sinh con), sức khoẻ giảm sút, nguy cơ tử vong cao, hoặc cũng bị gạt sang bên lề của đời sống gia đình chồng.

"Nhìn bạn bè ai cũng có "người nối dõi" anh cảm thấy mình thua kém, lép vế. Từ khi chị Thanh sinh đứa con gái thứ ba càng làm cho anh Tuấn trở

nên bất cần vợ con, đối xử thô bạo, thiếu trách nhiệm đối với mẹ con chị. Ngày đêm chồng chị Thanh trách móc hành hạ chị, anh so sánh chị với vợ người này, người kia, coi chị là kẻ vô tích sự. Anh gán cho chị cái tội là "không biết đẻ" để ruồng rẫy, khinh rẻ chị. Ba đứa con gái cũng bị bố chửi mắng, ghét bỏ..." (Đỗ Thu Giang, 2005).

Chuẩn mực kép trong quan hệ giới, còn được thể hiện trong sự phán xét của luật pháp. Như các nhà xã hội học đã chỉ ra, trong khi nhà trường truyền bá một số thái độ đối với tình dục, và các nhà chức trách toà án có phần trực tiếp hơn khi bắt tôn trọng những điều xác định về tình dục nam và nữ "Trong nghiên cứu về hành vi phạm pháp, người ta cho rằng toà án quan tâm nhiều đến hồ sơ tính dục của các cô gái được đưa đến cho họ, trong khi thông thường thì họ coi hành vi tính dục của bọn con trai phạm pháp là vụn vặt" (T. Bilton và cộng sự; 1993: 175).

Khả năng tình dục, theo Tiefer (1986), về cơ bản thể hiện sự nam tính của đàn ông. Một người đàn ông bất lực sẽ được xem như là sự bêu xấu nam giới. Khả năng tình dục được coi như là yếu tố để xác nhận nam tính cũng như sự thành công trong việc đối mặt với các khó khăn trong suốt cuộc đời của anh ta (Linda, 1994: 216).

Chính chuẩn mực kép đã góp phần làm tăng thêm các hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, nhất là những hành vi liên quan đến tình dục và sức khoẻ sinh sản, bởi vì "Các hình thái xã hội khuyến khích một "lý tưởng" về nam tính có thể thúc đẩy nam giới và nam thanh niên tham gia vào các hành vi có nguy cơ cao làm tổn hại cho chính họ và những người khác" (UNFPA, 2005). Trong xã hội hiện đại, có thể xem đây là một vấn đề có tính toàn cầu khi mà các nền văn hoá đều cho phép nam giới có nhiều bạn tình, nhưng phụ nữ thì bắt buộc phải chung thuỷ hoặc không được quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân. Điều này làm tăng lên những nguy cơ về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS, mà nạn nhân là phụ nữ đang có xu hướng tăng nhanh, như số liệu cho thấy "Trên toàn cầu có 17 triệu phụ nữ và 18,7 triệu nam giới trong độ tuổi 15 - 49 đang sống với HIV/AIDS. Kể từ năm 1985, tỷ lệ phụ nữ trong số người trưởng thành sống với HIV/AIDS tăng từ 35% lên 48%. Vấn đề đặc biệt quan tâm ở đây là sự gia tăng nhanh chóng số nhiễm HIV trong nữ thanh niên, hiện nay nhóm này chiếm hơn 60% số những người trong độ tuổi 15 - 24 đang sống với HIV/AIDS. Trên toàn cầu, nữ thanh niên có nguy cơ nhiễm HIV cao gấp nam thanh niên 1,6 lần" (UNAIDS/ UNFPA/ UNIFEM, 2004:1).

Thậm chí, chuẩn mực kép còn làm tăng thêm tội phạm hiếp dâm, bởi vì "Khả năng cưỡng hiếp có thể được tăng lên bởi những áp lực xã hội đối với đàn ông để tự chứng tỏ bản thân và chấp nhận một thái độ kẻ mạnh - hùng hổ trong

những cuộc gặp gỡ với phụ nữ". Hơn nữa, chuẩn mực kép cho rằng "Người phụ nữ mà chủ động về mặt tình dục là người lầm lạc và bị tước mất sự tôn trọng của những người khác; trong nhiều trường hợp xét xử ở toà án, câu chuyện mà các nạn nhân của sự cưỡng hiếp đã được bàn luận với hàm ý rõ ràng rành rành người phụ nữ nào tự nguyện đi vào tính dục không có quyền gì để từ chối "ân huệ" của họ đối với người khác, và theo một ý nghĩa nào đó, họ tự đặt mình bên ngoài sự bảo hộ của pháp luật" (T. Bilton và cộng sự; 1993: 177).

Cách ứng xử như vậy cho thấy sự khác biệt rất rõ của sự vận hành chuẩn mực kép trong mối quan hệ giới. Trong khi với con trai, nam giới thì "Hành vi tình dục biểu hiện một sự nới rộng vai trò nam giới của con trai, con trai chứng tỏ nam tính của họ bằng thành tích và sự phiêu lưu tình dục" thì đối với con gái, điều đó lại hoàn toàn khác "Người ta trông chờ con gái càng hấp dẫn về mặt tình dục thì càng hay nhưng không được chủ động về mặt tình dục - nữ tính bao hàm mọi sự từ bỏ tình dục". Khe khắt đối với phụ nữ trong quan hệ tình dục còn được thể hiện trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội "Trong trường hợp mà một người phụ nữ được coi là đã có chồng hoặc ăn ở với người khác như vợ chồng, bà ta không có quyền đòi hỏi những trợ cấp phụ. Có sự thừa nhận chính thức rằng ở đâu một phụ nữ và một người đàn ông ăn nằm với nhau, người đàn ông sẽ là kẻ cưu mang người phụ nữ" (T. Bilton và cộng sự; 1993: 176).

Đáng chú ý rằng, chuẩn mực kép của mối quan hệ giới trong hôn nhân - gia đình đã được Ph. Ăngghen đề cập rất sớm trong tác phẩm nổi tiếng *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, nó thể hiện ở các khía cạnh đa dạng trong quan hệ giới. Mà biểu hiện trước hết trong sự lượng giá của xã hội "Cái gì là tội lỗi đối với người phụ nữ và đưa lại những hậu quả pháp luật và xã hội nghiêm trọng thì ở người đàn ông, lại được coi là một điều rất vinh dự, hoặc tệ lắm, cũng chỉ là một vết nhơ cỏn con về đạo đức mà người ta vui thích nhận lấy"(C. Mác - Ph. Ăngghen, 1984:119). Cho dù, hôn nhân được xem là điều thiêng liêng "đàn ông vui lòng lấy một vợ, đàn bà bị sự trinh tiết của mình bó buộc" nhưng với tầng lớp giàu sang thì chế độ nhiều vợ vẫn thịnh hành. Trong quan hệ hôn nhân, sự chung thuỷ là một đòi hỏi bắt buộc đối với phụ nữ nhưng không bắt buộc với nam giới, bởi vì "Cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng, thành thử chế độ một vợ một chồng về phía người vợ không hề làm trở ngại chút nào cho chế độ nhiều vợ công khai hay bí mật của người chồng"(C. Mác - Ph. Ăngghen, 1984:120). Hiện tượng này có cơ sở kinh tế - xã hội sâu xa trong lịch sử "Sự tồn tại của chế độ nô lệ bên cạnh chế độ một vợ một chồng, sự có mặt của những người nô lệ trẻ, đẹp, thuộc về người đàn ông cả tâm hồn lẫn thể xác - đó là điều, ngay từ đầu, đã khiến cho chế độ một vợ một chồng có được tính chất đặc biệt là: một vợ một chồng chỉ riêng đối với người đàn bà, chứ không phải đối với người đàn ông. Và cho đến nay, chế độ một vợ một chồng vẫn còn giữ

tính chất ấy" (C. Mác - Ph. Ăngghen, 1984:103). Đây chính là vấn đề mà các nhà nghiên cứu giới gọi đó là "sự trinh bạch một chiều", để rồi những năm 1960 -1970 trong các phong trào nữ quyền có thêm một nội dung đấu tranh đòi nam giới cũng phải chung thuỷ như nam giới mong đợi ở phụ nữ, vì thế xuất hiện khẩu hiệu "Một lá phiếu cho phụ nữ và sự trinh trắng cho nam giới" (Hoàng Bá Thịnh, 2004:52).

Có thể dẫn ra nhiều ví dụ về chuẩn mực kép và mối quan hệ giới trong đời sống xã hội. Chẳng hạn, xét về khía cạnh văn hoá, xã hội - đặc biệt là các xã hội Á đông - thường có cái nhìn không mấy thiện cảm với những phụ nữ uống rượu, hút thuốc lá, trong khi nam giới hút thuốc lá được xem là một chỉ báo của người đàn ông thực thụ. Và việc nam giới uống rượu (trong xã hội truyền thống) và rượu, bia (trong xã hội hiện đại) được xem là một biểu hiện của nam tính, còn không uống rượu, bia thì không phải là nam giới, quan niệm này đã thành chuẩn mực xã hội qua câu nói "Nam vô tửu như kỳ vô phong". Chính chuẩn mực xã hội này đã dẫn đến hiện tượng lạm dụng rượu bia, như nghiên cứu cho thấy ở Việt Nam "lượng sử dụng rượu bình quân 6,4 ly/ngày và 26,1ly/tuần đã vượt quá xa ngưỡng an toàn cho phép của Tổ chức Y tế thế giới và tình trạng lạm dụng rượu bia ở Việt Nam đã đến mức báo động" (TTCT, 27.8.2006)

Chuẩn mực kép trong quan hệ giới có nguồn gốc từ quan niệm của xã hội về *nam tính* và *nữ tính*. Với những đặc điểm hoàn toàn tương phản giữa nam tính (khoẻ mạnh, dũng cảm, quyết đoán, cứng rắn, duy lý, độc lập, gây hấn, v.v...) và nữ tính (yếu đuối, nhạy cảm, dịu dàng, vị tha, phụ thuộc, v.v...) không chỉ tạo nên những chuẩn mực về vai trò đối với người nam giới và người phụ nữ đáp ứng những mong đợi của xã hội mà họ là thành viên, mà còn khuyến khích nam giới hành động để chứng tỏ "bản lĩnh người đàn ông", kể cả những hành vi bạo lực. Nghiên cứu cho thấy, tính cách hay gây hấn, hành hung của nam tính là nguyên nhân của phần lớn những vụ bạo lực trong cộng đồng và bạo hành trong gia đình. Biểu hiện nam tính này đã đem lại nhiều hậu quả cho gia đình và xã hội và cho nam giới, khiến cho việc là đàn ông có nhiều nguy cơ rủi ro hơn phụ nữ: đa phần các vụ đánh nhau, đâm chém hoặc giết nhau hầu như thuộc lãnh vực riêng của đàn ông.

Nhìn từ mối quan hệ giới, chuẩn mực kép đã tồn tại rất lâu đời và nó hiện diện trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Ví như, sinh con trai thì người ta ăn mừng và loan báo rộng rãi còn sinh con gái thì người ta lờ đi, như một nhà thơ đã viết "*Đất nước này, sinh con trai, ăn mừng một tuần lễ. Đất nước này, sinh con gái, người mẹ lặng im*" (GTZ - UBDS KHHGĐ, 2000: 90). Chuẩn mực kép có nguồn gốc trong nhận thức xã hội và nó in dấu ấn trong quá trình xã hội hoá trẻ em, với quan niệm "Nam ngoại, Nữ nội" người ta dạy cho con trai

những quy tắc ứng xử ngoài xã hội, còn con gái được dạy những phép tắc trong đời sống gia đình với công, dung, ngôn, hạnh: "Sự giáo dục ở gia đình đối với con trai và con gái đều có công dụng như nhau, song ngay từ khi nhỏ nó cũng đã cảm thấy cái thói trọng nam khinh nữ, như con trai thì được rong chơi hay đi học, con gái thì phải giữ em hay giúp mẹ làm việc nhà; con trai thì được giúp đỡ cha mẹ trong việc tế tự gia tiên, mà con gái thì phải nấu nướng ở trong xó bếp" và "đối với con trai thì dạy những nghĩa vụ với cha mẹ, họ hàng, làng nước và đạo kính thầy trung vua, đối với con gái thì dạy tứ đức, nghĩa là dáng đấp đứng ngồi và cử chỉ phải thế nào (dung), nói năng thưa gởi phải thế nào (ngôn), công việc thêu dệt nấu nướng phải thế nào (công), nết na phải nhường nhịn nhu mì thế nào (hạnh) và tam tòng" (Đào Duy Anh, 2000: 321- 322).

Không chỉ trong xã hội truyền thống mới có quan niệm xã hội hoá vai trò giới khác nhau giữa con trai và con gái, mà điều này vẫn còn ảnh hưởng khá mạnh đến quá trình xã hội hoá vai trò giới trong xã hội hiện đại "Một trong những công thức giới tính trong xã hội công nghiệp định nghĩa đàn ông như là "khách quan" trong định hướng, còn phụ nữ là "chủ quan" (A. Toffler, 2002: 52). Với quan niệm của xã hội như thế, người ta chuẩn bị cho nam giới và phụ nữ vào đời theo hai hướng khác nhau "Đàn ông được chuẩn bị từ nhỏ cho vai trò của họ trong nhà máy, nơi mà họ sẽ đi vào thế giới của các sự phụ thuộc lẫn nhau, được khuyến khích trở thành "khách quan". Phụ nữ được chuẩn bị ngay từ lúc mới sinh nhiệm vụ sản xuất nòi giống, nuôi con, công việc nhà cửa cực nhọc v.v... Điều đó đã thực hiện đến một mức độ đáng kể trong việc cô lập với xã hội, được dạy bảo là phải "chủ quan", nghĩa là không có khả năng về loại tư tưởng hợp lý và phân tích được giả thiết là đi cùng với sự khách quan" (A.Toffler, 2002: 55). Với chuẩn mực kép này, sự phân công lao động xã hội theo giới thật tương phản "Người chồng chịu trách nhiệm dạng công việc tiến bộ hơn, người vợ lo dạng công việc cũ hơn và lạc hậu hơn" khiến cho sự phát triển của nam giới và phụ nữ cũng khác nhau đến trái ngược "Người chồng đi vào tương lai, người vợ ở lại với quá khứ" (A.Toffler, 2002:54).

Chuẩn mực kép trong mối quan hệ giới, như trên đã phân tích, cho thấy tác động tiêu cực nhiều hơn tích cực. Từ quan điểm bình đẳng và công bằng giới, dễ nhận thấy phụ nữ là nạn nhân chính của chuẩn mực kép, trong khi nam giới cũng chịu ảnh hưởng không tốt của quan niệm này. Chuẩn mực kép trong quan hệ giới có mối liên hệ chặt chẽ với bất bình đẳng giới trong xã hội, vì thế nó sẽ giảm dần theo sự gia tăng của bình đẳng giới và công bằng giới trong xã hội.

Chú thích

1. Điều này đúng với hầu hết các xã hội/nền văn hoá, tuy nhiên cũng có ngoại lệ, ví dụ: "Quan hệ nam nữ của nhóm Dao Tiền ở Phú Thọ rất cởi mở. Người ta không chú

trọng đến trinh tiết, chung thuỷ với chồng, vì thế đôi khi còn là một khái niệm mơ hồ" (Nguyễn Hữu Nhàn, 2006).

2. Nếu không tính đến quan điểm giới, thì câu ngạn ngữ đó cho thấy vai trò hết sức quan trọng của phụ nữ trong chức năng giáo dục gia đình, xã hội hoá trẻ em.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (2000). *Việt Nam văn hoá sử cương*. NXB Văn hoá - Thông tin.

2. C. Mác - Ph. Ăngghen (1984). *Tuyển tập*, tập 6. NXB Sự thật, Hà Nội.

3. Tony Bilton và cộng sự (1993). *Nhập môn xã hội học*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. G. Endruweit và G. Trommsdorff (2002). *Từ điển Xã hội học*. NXB Thế giới, Hà Nội.

5. GTZ - UBDS KHHGĐ (2000). *Sức khỏe sinh sản, sức khoẻ tình dục thanh thiếu niên*, tập 3. Hà Nội.

6. John J. Macionis (1987). *Sociology*. Prentice Hall, Toronto, Canada.

7. Hoàng Bá Thịnh (2004). *Một vài cách tiếp cận nghiên cứu Giới trong xã hội học*. Đề tài cấp Bộ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Hoàng Bá Thịnh (2005). *Xã hội học về giới và phát triển*. Trường ĐHKHXH&NV.

9. A. Toffler (2002). *Làn sóng thứ ba*. NXB Thanh Niên, Hà Nội.

10. Linda L. Lindsey(1994). *Gender Roles – A Sociological Perspective*. Prentice Hall, 2nd.

11. Đỗ Thu Giang (2005). *Cảnh ngộ những người vợ sinh con một bề*. Báo Phụ nữ Việt Nam, số 8 ngày 20/1/2005.

12. Nguyễn Hữu Nhàn (2006). *Kết cấu gia đình của người Dao Tiền ở Phú Thọ*. Báo Văn Nghệ, số 35 ngày 2/9/2006.

13. Tạp chí Dân số & Phát triển, số 12/2005.

14. Tuổi trẻ cuối tuần, ngày 27/8/2006.

15. UNAIDS/UNFPA/UNIFEM (2004). *Phụ nữ và HIV/AIDS đương đầu với khủng hoảng*.